TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 266/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tài

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sáng – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 795/2017/TLST-HNGĐ, Ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: Số E Đường C, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Văn C là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; nơi làm việc: Hãng luật N; trụ sở: Số E Đường C, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Nguyên Thanh B, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường số M, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017, bản tự khai, biên bản các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa này, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà M với ông Lê Nguyên Thanh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01 ngày 07 tháng 3 năm 2003. Bà M và ông B có hai người con chung. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc, ông B quan hệ với người phụ nữ khác như vợ chồng. Nay mâu thuẫn trầm trọng, bà M không còn thương yêu ông B, bà M đã ly thân được 05 năm và vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm, nên đề nghị Tòa án xét cho ly hôn. Bà M và ông B có 02 con chung tên là Lê Thị Anh T sinh ngày 18 tháng 12 năm 2002 và Lê Bảo K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 nếu ly hôn bà M xin là người trực tiếp nuôi Lê Bảo K yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, còn cháu Lê Thị Anh T tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu T về ở với bà M thì bà cũng đồng ý nhưng bà M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ việc khác.

Ông Lê Nguyên Thanh B trình bày: Về quan hệ kết hôn, con chung đúng như bà M trình bày. Nhưng ông B khai không chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác như ý kiến của bà M. Nay do mâu thuẫn gia đình xảy ra trầm trọng, nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông B và bà M, về con chung ông B không đồng ý giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông B xin được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Bảo K, còn đối với Lê Thị Anh T nếu trở về thì tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn về sống chung với bà M ông B cũng đồng ý, ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời gian chuẩn bị xét xử có chậm trễ theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.Về con chung Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Bảo K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010, ghi nhận việc

ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung là Lê Thị Anh T thì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự như họ đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01 ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Lê Nguyên Thanh B và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M yêu cầu Tòa án vẫn xét xử khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M vắng mặt đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu ly hôn của bà M thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Bà M yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng giữa vợ và chồng. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà M và ông B cũng đã được Tòa án xác minh tại địa phương. Như vậy, cho thấy thực tế vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét yêu cầu của bà M là được nuôi cả hai con chung, Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Lê Bảo K, theo ý kiến của cháu K thì cháu có nguyện vọng được sống chung với ông B để thuận tiện cho việc đi học của cháu. Ông B khai có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu K. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy cần giao cho ông B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo K. Đối với yêu cầu nuôi con chung tên là Lê Thị Anh T của bà M, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã yêu cầu ông B, bà M đưa cháu T tới Tòa án để lấy ý kiến, nhưng các đương sự khai hiện cháu T đã bỏ nhà đi và không xác định cháu hiện ở đâu nên không thể lấy ý kiến của cháu. Ông B, bà M cùng thống nhất khi nào cháu về nhà thì nguyện vọng sống với ai là tùy cháu lựa chọn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của đương sự về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi cháu trở về nhà. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T nếu cháu ở với bà M thì bà sẽ yêu cầu, khởi kiện bằng vụ việc khác. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đối với ý kiến của bị đơn: Ông B đồng ý với việc bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của bị đơn để giải quyết cho ông B ly hôn với bà M. Ông B xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Bảo K và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi cháu K, xét đề nghị này phù hợp với nguyện vọng của cháu K và điều kiện thực tế của ông B nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông B đồng

ý với bà M khi nào cháu T về nhà thì nguyện vọng sống với ai là tùy cháu lựa chọn. Ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nếu cháu T sống với ông. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến đương sự về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi cháu trở về nhà. Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

- Về hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông B, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi bản án có hiệu lực.

- Về con chung: Ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Bảo K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010, ghi nhận việc ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng cháu K. Các đương sự thống nhất khi nào con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2002 về nhà thì nguyện vọng sống với ông B hay bà M là tùy cháu T lựa chọn. Nếu cháu T sống với bà M thì bà sẽ yêu cầu cấp dưỡng bằng vụ việc khác. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nếu cháu T về sống với ông B.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà M phải chịu án phí sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Lê Nguyên Thanh B, quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 quyển số 01 ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang chấm dứt khi bản án có hiệu lực.

- Về con chung: Giao cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Bảo K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 cho đến khi trưởng thành, ghi nhận việc ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự thống nhất khi nào con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2002 về nhà thì nguyện vọng sống với ông B hay bà M là tùy cháu T lựa chọn. Nếu cháu T sống với bà M thì bà sẽ yêu cầu cấp

dưỡng bằng vụ kiện khác. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nếu cháu T về sống với ông B.

Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của bà M. Nếu bà M lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của bà M.

Trong trường hợp con chung là Lê Thị Anh T về sống với ông B hoặc bà M thì người không trực tiếp nuôi cháu T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục cháu T, không ai được cản trở quyền này của người có quyền thăm cháu T. Nếu người có quyền thăm cháu T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người có quyền thăm cháu T.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà M phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà M đã tạm nộp án phí theo biên lai số AA/2016/0018776 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. G
- THA DS q. G;
- UBND x L, h G, t TG ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn